

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 102/2020/HNST

Ngày: 30/11/2020

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Anh Khoa**

2. Ông **Dương Minh Dũng**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 30/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 494/2020/TLST–HNST ngày 01/10/2020 về việc tranh chấp “*xin ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 728/2020/QĐST ngày 09/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **N.T.T.H**, sinh năm 1983 (*có mặt*)

Địa chỉ: 38B Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **P.T.N**, sinh năm 1979 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 38B Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông P.T.N tự nguyện tiến đến hôn N., có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2005 tại UBND phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, thời gian đầu không mấy hạnh phúc nhưng vì con nên bà cố gắng kéo dài cuộc hôn nhân tuy nhiên về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã không còn chung sống

với nhau hơn 01 năm. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.T.N.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là P.N.P.H (nữ) sinh ngày 12/10/2006 và P.N.T.K (nam) sinh ngày 25/9/2012. Hiện tại các con đang sống với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, yêu cầu ông N. phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng/2 cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông P.T.N vắng mặt không rõ lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa,

Bà H. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về con chung bà trình bày hiện nay hai con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông N. cấp dưỡng. Bà đồng ý xét xử vắng mặt ông N..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà N.T.T.H và ông P.T.N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2005. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà H. có đơn yêu cầu ly hôn với ông N. Vụ kiện được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông P.T.N đã được Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải và quyết định xét xử hai lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông N. là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà H. và ông N. tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do sự bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Mặc dù, ông bà nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không mang lại kết quả, ông bà đã không còn chung sống được

hơn 01 năm. Nay bà H. nhận thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông N. Ông N. được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng mời tham dự các phiên hòa giải, xét xử nhưng ông N. vẫn vắng mặt không rõ lý do chứng tỏ ông cũng không còn thiết tha gì đối với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H. là có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu P.N.P.H (nữ) sinh ngày 12/10/2006 và P.N.T.K (nam) sinh ngày 25/9/2012. Hiện nay hai cháu đang do bà H. trực tiếp nuôi dưỡng và trong bản tự khai ngày 12/10/2020 nguyện vọng của hai cháu là muốn được ở với mẹ nên để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý của hai cháu nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu P.N.P.H và P.N.T.K cho bà H. trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] *Về cấp dưỡng*: tại phiên tòa bà H. thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu không yêu cầu ông N. cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Do vắng mặt ông N. nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí hôn N.*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.T.T.H đối với ông P.T.N.

- Về con chung: giao cháu P.N.P.H (nữ) sinh ngày 12/10/2006 và P.N.T.K (nam) sinh ngày 25/9/2012 cho bà N.T.T.H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P.T.N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông P.T.N không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: do xét xử vắng mặt ông N. nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: Nguyên đơn bà N.T.T.H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003016 ngày 03/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Đương sự đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Minh Dũng

Lê Anh Khoa

Lê Thị Huyền Trang